



A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as **Baker Tilly A&C** is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ
AN GIANG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 32
8. Phụ lục	33 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị An Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1601604590, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04 tháng 10 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : 02963.844.848
- Fax : 02963.959.552

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tri Tôn	Số 01, Nguyễn Huệ, khóm 4, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Phú Tân	Số 109, ấp Thượng 2, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Đốc	Số 269, Hoàng Diệu, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tân Châu	Số 21, Lê Thị Riêng, khóm Long Thạnh C, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Thành	Ấp Bình Phú 1, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Thoại Sơn	Đường Nguyễn Huệ, ấp Bắc Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Môi trường Đô thị An Phú	Số 2729, tổ 30, ấp Phú Mỹ, xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tịnh Biên	Khóm Hòa Hưng, thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Chợ Mới	Đường Tỉnh lộ 942, ấp Long Hòa, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Phú	Số 044, Hai Bà Trưng, ấp Bình Hòa, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Quét rác đường phố, vỉa hè; Dịch vụ quản lý khai thông hệ thống nước thải, xử lý nước thải; Rút hầm cầu, hầm lửng; Dịch vụ cung cấp vận chuyển đồ, lau dọn vệ sinh cho các tổ chức, cá nhân; Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn, chất thải y tế; Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải; Đầu tư xây dựng hoa viên nghĩa trang và các dự án khác; Thi công xây dựng công trình nông thôn, công nông thôn, công cộng; Xử lý chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, chất thải y tế, chất thải công nghiệp; Tái chế phế liệu; Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Mua bán cây xanh, hoa kiểng các loại; Sản xuất gạch lát vỉa hè; Sản xuất xe rác kéo tay; Sản xuất thùng rác; Mua bán gạch lát vỉa hè; Sản xuất và thi công khung thép, các cấu kiện thép của công trình hạ tầng, công nghiệp, dân dụng, khung tiền chế, cửa các loại và các cấu kiện thép khác; Thi công trang trí nội thất, ngoại thất các công trình dân dụng và công nghiệp; Lắp đặt, thi công điện dân dụng, công nghiệp, chiếu sáng công cộng, hạ tầng hạ thế; Sửa chữa và cải tạo xe ô tô, xe chuyên dụng và các loại xe thô sơ khác; Thiết kế làm mới thùng, khung xe chuyên dụng và ô tô các loại; Sản xuất xe rác kéo tay, khung xe các loại; Thu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

gom rác thải độc hại; Xử lý tiêu hủy rác thải độc hại; Thu gom, vận chuyển chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, chất thải y tế, chất thải công nghiệp; Dịch vụ quản lý, chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố; Dịch vụ quản lý, vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng; Dịch vụ duy tu, sửa chữa các công trình thoát nước vỉa hè, cầu đường, sơn vạch kẻ đường; Mua bán phế liệu (ngoại trừ phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường); Mua bán thùng rác và xe rác kéo tay; Trồng cây cảnh lâu năm và các cây lâu năm khác; Trồng và cắt tỉa tạo hình cây xanh các loại; Trồng hoa hàng năm; Trồng và cắt tỉa tạo hình hoa kiểng các loại; Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình điện; Xây dựng công trình cấp, thoát nước; Xây dựng công trình thủy; Xây dựng công trình chế biến, chế tạo; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2018
Ông Trần Minh Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2018
Ông Đặng Anh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2018
Ông Đỗ Văn Lạc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2018
Ông Trần Hữu Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2018
Bà Đinh Thị Ngọc Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Võ Thị Ngọc Bích	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Đình Thư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Minh Tâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2018
Ông Đặng Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2018
Bà Đinh Thị Ngọc Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2018
Ông Trần Minh Tâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2018

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 



Trần Minh Tâm
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		114.215.129.856	115.592.184.101
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19.912.570.580	40.996.866.352
1. Tiền	111		19.912.570.580	15.996.866.352
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	25.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		200.000.000	200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	200.000.000	200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.419.738.585	70.962.900.284
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	82.108.598.234	70.180.678.950
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.152.264.614	2.279.033.769
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.158.875.737	273.897.749
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	-	(1.770.710.184)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		5.474.258.829	1.132.308.631
1. Hàng tồn kho	141	V.7	5.474.258.829	1.132.308.631
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.208.561.862	2.300.108.834
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.184.577.444	2.211.965.880
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	1.023.984.418	88.142.954
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		170.335.981.352	194.688.558.090
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		216.265.000	216.265.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	216.265.000	216.265.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		115.577.841.702	119.900.695.543
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	97.040.875.864	101.323.744.703
- Nguyên giá	222		195.866.975.833	193.174.211.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(98.826.099.969)	(91.850.467.057)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	18.536.965.838	18.576.950.840
- Nguyên giá	228		18.895.451.234	18.895.451.234
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(358.485.396)	(318.500.394)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		53.137.857.348	72.571.610.050
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	53.137.857.348	72.571.610.050
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.404.017.302	1.999.987.497
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.404.017.302	1.999.987.497
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		284.551.111.208	310.280.742.191

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		79.042.807.305	58.113.129.903
I. Nợ ngắn hạn	310		79.042.807.305	58.113.129.903
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	13.065.239.714	218.182.230
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.400.000	2.800.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.713.138.118	3.551.446.843
4. Phải trả người lao động	314	V.15	28.309.166.928	18.262.112.888
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	173.696.760	27.360.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	984.901.850	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	4.879.099.604	4.329.863.716
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	24.005.592.255	24.005.592.255
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	3.910.572.076	7.715.771.971
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		205.508.303.903	252.167.612.288
I. Vốn chủ sở hữu	410		205.508.303.903	252.167.612.288
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21a	198.930.000.000	198.930.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		198.930.000.000	198.930.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21a	6.578.303.903	5.450.177.824
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21a	-	5.126.724.892
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	5.126.724.892
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	V.21a	-	42.660.709.572
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		284.551.111.208	310.280.742.191


Trần Thị Thúy
Người lập

Nguyễn Hữu Hạnh
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2022

Trần Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

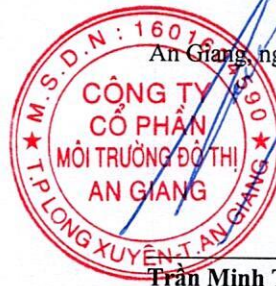
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	142.998.185.709	136.980.776.789
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		142.998.185.709	136.980.776.789
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	120.693.262.622	117.185.567.566
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.304.923.087	19.795.209.223
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	116.806.561	691.694.831
7. Chi phí tài chính	22		-	25.835.624
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	25.835.624
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	9.262.941.007	9.109.383.400
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.158.788.641	11.351.685.030
11. Thu nhập khác	31	VI.5	10.198.186	12.392.013
12. Chi phí khác	32	VI.6	381.048.161	49.993.711
13. Lợi nhuận khác	40		(370.849.975)	(37.601.698)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.787.938.666	11.314.083.332
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1.506.677.880	1.393.528.889
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.281.260.786	9.920.554.443
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7a	57	50
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7a	57	50

Trần Thị Thúy
Người lậpNguyễn Hữu Hạnh
Kế toán trưởngTrần Minh Tâm
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.787.938.666	11.314.083.332
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	7.760.356.562	7.891.790.992
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.6	63.274.316	(680.504.422)
- Chi phí lãi vay	06		-	25.835.624
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.611.569.544	18.551.205.526
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.881.262.474)	(61.642.422.340)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.341.950.198)	4.864.965.964
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		19.496.295.202	28.281.115.494
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.407.869.425	1.227.088.786
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(25.835.624)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(245.807.603)	(1.989.232.022)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(16.674.858.977)	(13.097.845.880)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.371.854.919	(23.830.960.096)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11	(26.615.876.719)	(10.441.628.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	20.453.160.485
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	159.726.028	894.580.602
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.456.150.691)	10.906.113.087

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	5.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(5.000.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(160.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(160.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(21.084.295.772)	(12.925.007.009)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	40.996.866.352	57.129.727.763
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	19.912.570.580	44.204.720.754



Trần Thị Thúy
Người lập



Nguyễn Hữu Hạnh
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2022

Trần Minh Tâm
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Quét rác đường phố, vỉa hè; Dịch vụ quản lý khai thông hệ thống nước thải, xử lý nước thải; Rút hầm cầu, hầm lãng; Dịch vụ cung cấp vận chuyển đồ, lau dọn vệ sinh cho các tổ chức, cá nhân; Thu gom, vận chuyển chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, chất thải y tế, chất thải công nghiệp; Dịch vụ quản lý, chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố; Dịch vụ quản lý, vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

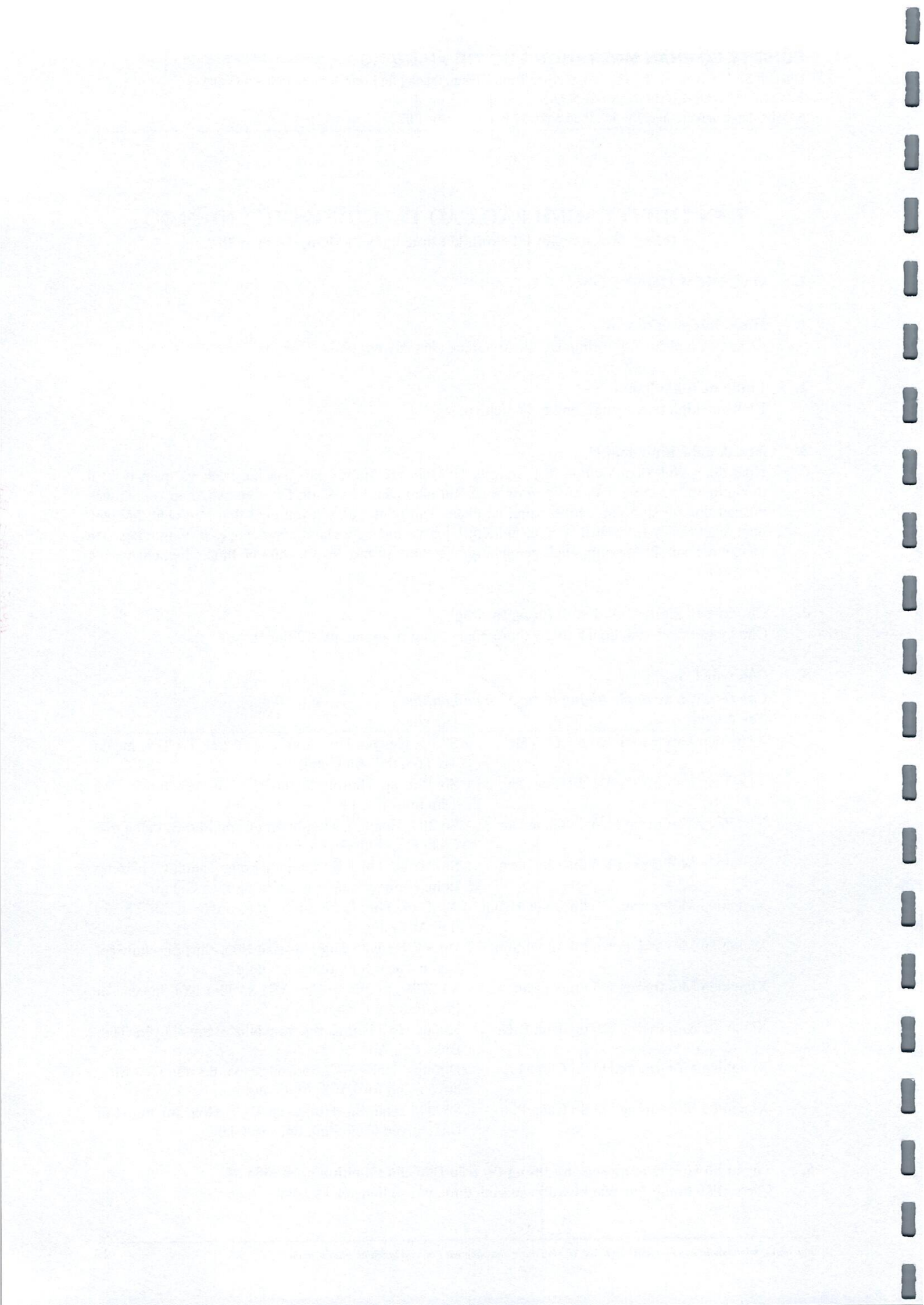
5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tri Tôn	Số 01, Nguyễn Huệ, khóm 4, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Phú Tân	Số 109, ấp Thượng 2, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Đốc	Số 269, Hoàng Diệu, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tân Châu	Số 21, Lê Thị Riêng, khóm Long Thạnh C, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Thành	Ấp Bình Phú 1, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Thoại Sơn	Đường Nguyễn Huệ, ấp Bắc Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Môi trường Đô thị An Phú	Số 2729, tổ 30, ấp Phú Mỹ, xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Tịnh Biên	Khóm Hòa Hưng, thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Chợ Mới	Đường Tỉnh lộ 942, ấp Long Hòa, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Môi trường Đô thị Châu Phú	Số 044, Hai Bà Trưng, ấp Bình Hòa, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 918 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 915 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác	06 - 13

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế giữa niên độ toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. **Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.631.432.204	2.968.139.377
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.281.138.376	13.028.726.975
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	-	25.000.000.000
Cộng	<u>19.912.570.580</u>	<u>40.996.866.352</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
Cộng	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng khác		
Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc	13.659.503.596	6.993.123.647
Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên	18.684.199.099	21.728.340.751
Các khách hàng khác	49.764.895.539	41.459.214.552
Cộng	82.108.598.234	70.180.678.950

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các người bán khác		
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kỹ thuật Xây dựng - VN.CIC	240.000.000	240.000.000
Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài nguyên - Môi trường	237.988.000	248.150.000
Công ty TNHH Môi trường Vintech	623.700.000	623.700.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Hòa Phát Long Xuyên	-	324.562.000
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đại Thành Phát	339.438.000	-
Các nhà cung cấp khác	711.138.614	842.621.769
Cộng	2.152.264.614	2.279.033.769

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Các khoản ký quỹ, ký cược	3.466.500	-	3.466.500	-
Các Đơn vị khác thị xã Tân Châu - Chi hệ tiền điện công lộ	529.098.203	-	31.460.389	-
Lãi tiền gửi phải thu	23.320.548	-	80.302.740	-
Quỹ khen thưởng tạm chi chờ nguồn bù đắp	1.568.399.483	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	34.591.003	-	158.668.120	-
Cộng	2.158.875.737	-	273.897.749	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký quỹ	216.265.000	-	216.265.000	-
Cộng	216.265.000	-	216.265.000	-

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Các tổ chức và cá nhân khác				
Phòng tài chính kế hoạch Long Xuyên - Phải thu tiền bán hàng	-	-	- Trên 03 năm	1.216.560.329
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	-	-	- Trên 03 năm	554.149.855
Cộng	-	-		1.770.710.184

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.770.710.184	1.770.710.184
Xử lý xóa nợ	(1.770.710.184)	-
Số cuối kỳ	-	1.770.710.184

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.146.668.523	-	869.430.230	-
Công cụ, dụng cụ	24.512.378	-	40.638.401	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.303.077.928	-	222.240.000	-
Cộng	5.474.258.829	-	1.132.308.631	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	247.704.312	265.984.445
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	602.708.628	1.568.081.043
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	334.164.504	377.900.392
Cộng	1.184.577.444	2.211.965.880

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	538.141.583	841.929.867
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	690.978.687	1.065.598.208
Các chi phí trả trước dài hạn khác	174.897.032	92.459.422
Cộng	1.404.017.302	1.999.987.497

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	18.382.601.234	512.850.000	18.895.451.234
Số cuối kỳ	18.382.601.234	512.850.000	18.895.451.234
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	113.000.000	113.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	318.500.394	318.500.394
Khấu hao trong kỳ	-	39.985.002	39.985.002
Số cuối kỳ	-	358.485.396	358.485.396
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	18.382.601.234	194.349.606	18.576.950.840
Số cuối kỳ	18.382.601.234	154.364.604	18.536.965.838

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Bàn giao cho Ủy ban nhân dân TP. Long Xuyên	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	136.500.000	24.125.286.047	(2.669.781.145)	-	-	21.592.004.902
Xây dựng cơ bản dở dang	72.417.565.438	2.490.590.672	(933.739.728)	(277.847.182)	(42.383.750.572)	31.312.818.628
- Công trình nhà máy xử lý chất thải rắn - huyện Chợ Mới	18.909.402.364	114.942.762	-	-	-	19.024.345.126
- Công trình xây dựng ô chôn lấp hợp vệ sinh số 2 - Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên	9.704.933.910	1.441.908.182	-	-	-	11.146.842.092
- Công trình xử lý triệt để môi trường bãi rác - huyện Bình Đức	42.660.709.572	-	-	(276.959.000)	(42.383.750.572)	-
- Các công trình khác	1.142.519.592	933.739.728	(933.739.728)	(888.182)	-	1.141.631.410
Sửa chữa lớn tài sản cố định	17.544.612	654.203.091	-	(438.713.885)	-	233.033.818
Cộng	72.571.610.050	27.270.079.810	(3.603.520.873)	(716.561.067)	(42.383.750.572)	53.137.857.348

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	12.463.636.364	-
Tạp hóa Ngọc Giàu	-	158.480.000
Các nhà cung cấp khác	601.603.350	59.702.230
Cộng	13.065.239.714	218.182.230

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Các khách hàng khác	1.400.000	2.800.000
Cộng	1.400.000	2.800.000

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày tại Phụ lục 02 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Vận chuyển, thu gom, xử lý rác thải, rút hầm cầu, thi công đường cống thoát nước 10%
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Không chịu thuế

Từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 1767486856, chứng nhận lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2014 và chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 01 tháng 4 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động xử lý chất thải nguy hại với thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo. Năm 2022 là năm thứ 04 Công ty được giảm 50% số thuế thuế thu nhập doanh nghiệp.

Và Công ty xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% đối với thu nhập từ các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn và xử lý nước thải.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.787.938.666	11.314.083.332
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	215.030.009	49.993.711
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	13.002.968.675	11.364.077.043
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	13.002.968.675	11.364.077.043
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.600.593.735	2.272.815.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(1.053.882.793)	(863.306.151)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(40.033.062)	(15.980.369)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.506.677.880	1.393.528.889

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích (m²)</u>	<u>Mức tiền thuê (VND/m²/năm)</u>
- Phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	948,7	57.600
	1.166,9	34.560
- Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	95,9	288.000
- Phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	288	80.000
	248,8	48.000
- Thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang	1.045,6	9.600
	117,9	5.760
- Phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang	160	40.000
- Xã Phú Hội huyện An Phú	405	3.000
- Thị trấn Cái dầu huyện Châu Phú	130,9	57.600
- Thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang	227,6	32.000
	229,9	19.200
	60,4	12.800

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	44,5	76.800
- Xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang	1.841	6.000
- Phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang	852,7	90.720
	1.279,7	54.432
	2.699,8	36.288
	3.554,3	18.144

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	28.309.166.928	18.262.112.888
Cộng	28.309.166.928	18.262.112.888

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí bồi dưỡng hiện vật	173.696.760	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	27.360.000
Cộng	173.696.760	27.360.000

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Tiền dịch vụ nhận trước	984.901.850	-
Cộng	984.901.850	-

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Phải nộp Ngân sách Nhà nước phần chênh lệch đơn giá xử lý rác tại khu liên hiệp Châu Thành	-	4.267.143.716
Cổ tức phải trả	3.982.520.000	3.920.000
Phải trả người lao động - Thuế thu nhập cá nhân thu thừa	870.189.604	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	26.390.000	58.800.000
Cộng	4.879.099.604	4.329.863.716

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng phải trả ngắn hạn liên quan đến chi phí sau đóng cửa các ô chôn lấp rác. Chi tiết phát sinh như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số đầu năm	24.005.592.255
Số cuối kỳ	24.005.592.255

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	3.821.462.765	7.240.005.716	(12.629.867.964)	(1.568.399.483)
Quỹ phúc lợi	3.637.797.956	4.061.253.883	(3.839.191.013)	3.859.860.826
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	256.511.250	-	(205.800.000)	50.711.250
Cộng	7.715.771.971	11.301.259.599	(16.674.858.977)	2.342.172.593

Quỹ khen thưởng tạm chi được trình bày ở khoản mục “Các khoản phải thu ngắn hạn khác” (xem thuyết minh số V.5a).

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	194.718.000.000	194.718.000.000
Các cổ đông khác	4.212.000.000	4.212.000.000
Cộng	198.930.000.000	198.930.000.000

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.893.000	19.893.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.893.000	19.893.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.893.000	19.893.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.893.000	19.893.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.893.000	19.893.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQĐHCĐ - AGE ngày 20 tháng 5 năm 2022 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số được phân phối	Số đã phân phối trong năm trước	Số phân phối trong kỳ này
• Chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông (2%/vốn điều lệ)	3.978.600.000	-	3.978.600.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	1.887.414.982	1.887.414.982	-
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.950.459.726	12.802.334.834	1.148.124.892
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	205.800.000	205.800.000	-

Ngoài ra, Công ty đã tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 6 tháng đầu năm 2022 theo tờ trình số 02/TTr-HĐQT ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng quản trị về phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2021 và kế hoạch năm 2022 đã được Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 thông qua như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 1.128.126.079
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 10.153.134.707

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**22a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	516.436.024	516.436.024
Trên 1 năm đến 5 năm	2.065.744.096	2.065.744.096
Trên 5 năm	20.794.063.452	21.052.909.784
Cộng	23.376.243.572	23.635.089.904

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong 50 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh hàng năm theo giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang công bố.

22b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Phòng tài chính kế hoạch Long Xuyên - Phải thu tiền bán hàng	1.216.560.329	-	Không khả năng thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác	554.149.855	-	Không khả năng thu hồi
Cộng	1.770.710.184	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ công ích	118.074.185.607	109.328.461.378
Doanh thu dịch vụ khác	24.924.000.102	27.652.315.411
Cộng	142.998.185.709	136.980.776.789

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ công ích	110.732.032.195	99.214.370.637
Giá vốn dịch vụ khác	9.961.230.427	17.971.196.929
Cộng	120.693.262.622	117.185.567.566

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	102.743.836	680.504.422
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	14.062.725	11.190.409
Cộng	116.806.561	691.694.831

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.332.711.793	6.245.607.143
Chi phí vật liệu quản lý	102.766.115	149.179.778
Chi phí đồ dùng văn phòng	145.622.474	414.123.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	358.827.024	308.865.732
Thuế, phí và lệ phí	40.744.639	82.455.392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	612.958.651	430.100.059
Các chi phí khác	1.669.310.311	1.479.051.941
Cộng	9.262.941.007	9.109.383.400

5. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền điện, nước cho thuê lại	9.827.816	12.392.013
Thu nhập khác	370.370	-
Cộng	10.198.186	12.392.013

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	166.018.152	-
Chi phí chậm nộp thuế	23.600.000	20.450.520
Chi phí thanh lý nguyên liệu, vật liệu hư hỏng	-	26.371.191
Phạt vi phạm hành chính	191.430.009	-
Chi phí khác	-	3.172.000
Cộng	381.048.161	49.993.711

7. Lãi trên cổ phiếu**7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.281.260.786	9.920.554.443
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(10.153.134.707)	(8.928.498.999)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.128.126.079	992.055.444
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	19.893.000	19.893.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	57	50

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	19.893.000	19.893.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	19.893.000	19.893.000

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ này được tạm tính theo Tờ trình số 02/TTr-HĐQT ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng quản trị về phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2021 và kế hoạch năm 2022 đã được Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	797.753.033	13.827.837.684
Chi phí nhân công	88.875.185.985	82.451.201.596
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.760.356.562	7.891.790.992

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.230.383.144	12.519.327.371
Chi phí khác	4.742.576.724	4.483.450.574
Cộng	114.406.255.448	121.173.608.217

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Nguyễn Ngọc Sơn - Chủ tịch Hội đồng quản trị	259.200.000	40.320.000	-	299.520.000
Ông Trần Minh Tâm - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	252.000.000	39.200.000	-	291.200.000
Ông Đặng Anh Dũng - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	244.800.000	38.080.000	-	282.880.000
Bà Đinh Thị Ngọc Nga - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	244.800.000	36.960.000	-	281.760.000
Ông Trần Hữu Bình - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	48.600.000	48.600.000
Ông Đỗ Văn Lạc - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	48.600.000	48.600.000
Bà Võ Thị Ngọc Bích - Trưởng Ban Kiểm soát	226.800.000	33.600.000	-	260.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thành viên Ban kiểm soát	-	-	45.360.000	45.360.000
Ông Trần Đình Thư - Thành viên Ban kiểm soát	-	-	45.360.000	45.360.000
Cộng	1.227.600.000	188.160.000	187.920.000	1.603.680.000
Kỳ trước				
Ông Nguyễn Ngọc Sơn - Chủ tịch Hội đồng quản trị	259.200.000	43.200.000	-	302.400.000
Ông Trần Minh Tâm - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	252.000.000	42.000.000	-	294.000.000
Ông Đặng Anh Dũng - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	244.800.000	40.800.000	-	285.600.000
Bà Đinh Thị Ngọc Nga - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	216.000.000	36.000.000	-	252.000.000
Ông Trần Hữu Bình - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	46.800.000	46.800.000
Ông Đỗ Văn Lạc - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	46.800.000	46.800.000
Bà Trần Thị Thanh Hương - Trưởng Ban kiểm soát	226.800.000	37.800.000	-	264.600.000
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thành viên Ban kiểm soát	-	-	45.360.000	45.360.000
Ông Trần Đình Thư - Thành viên Ban kiểm soát	-	-	45.360.000	45.360.000
Cộng	1.198.800.000	199.800.000	184.320.000	1.582.920.000

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động dịch vụ công ích. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1 và VI.2.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

An Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2022

Trần Thị Thúy
Người lập

Nguyễn Hữu Hạnh
Kế toán trưởng



Trần Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

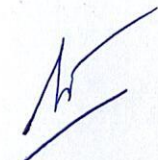
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng	
Nguyên giá							
Số đầu năm	48.650.499.982	14.053.249.246	129.924.468.714	48.181.818	497.812.000	193.174.211.760	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	933.739.728	-	2.669.781.145	-	-	3.603.520.873	-
Thanh lý, nhượng bán	(910.756.800)	-	-	-	-	(910.756.800)	-
Số cuối kỳ	48.673.482.910	14.053.249.246	132.594.249.859	48.181.818	497.812.000	195.866.975.833	-
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.729.655.664	185.895.000	25.915.187.500	-	143.032.000	30.973.770.164	-
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	19.197.472.361	4.307.720.113	67.959.623.612	25.548.332	360.102.639	91.850.467.057	-
Khấu hao trong kỳ	1.362.227.812	793.952.514	5.518.526.134	4.818.180	40.846.920	7.720.371.560	-
Thanh lý, nhượng bán	(744.738.648)	-	-	-	-	(744.738.648)	-
Số cuối kỳ	19.814.961.525	5.101.672.627	73.478.149.746	30.366.512	400.949.559	98.826.099.969	-
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	29.453.027.621	9.745.529.133	61.964.845.102	22.633.486	137.709.361	101.323.744.703	-
Số cuối kỳ	28.858.521.385	8.951.576.619	59.116.100.113	17.815.306	96.862.441	97.040.875.864	-
<i>Trong đó:</i>							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-


Trần Thị Thủy
Người lập


Nguyễn Hữu Hạnh
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2022


Trần Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Giảm khác	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.033.250.037	-	4.432.690.196	(4.925.529.438)	-	2.540.410.795	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	88.142.954	1.506.677.880	(245.807.603)	-	1.172.727.323	-
Thuế thu nhập cá nhân	315.060.301	-	1.421.245.786	(1.730.541.520)	(873.792.898) (*)	-	868.028.331
Thuế nhà đất	-	-	3.804.125	(3.804.125)	-	-	-
Tiền thuê đất	-	-	263.730.937	(263.730.937)	(155.956.087) (**)	-	155.956.087
Các loại thuế khác	-	-	13.000.000	(13.000.000)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	203.136.505	-		(203.136.505)	-	-	-
Cộng	3.551.446.843	88.142.954	7.641.148.924	(7.385.550.128)	(1.029.748.985)	3.713.138.118	1.023.984.418

(*) Thuế thu nhập cá nhân năm 2021 nộp thừa phải trả người lao động.

(**) Giảm tiền thuê đất năm 2021 theo Quyết định số 274/QĐ-CT ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Cục thuế tỉnh An Giang.


Trần Thị Thúy
Người lập

Nguyễn Hữu Hạnh
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2022

Trần Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang


BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

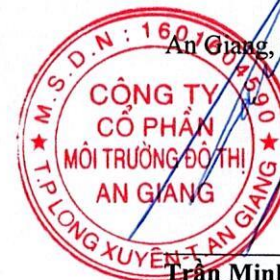
Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư đầu năm trước	198.930.000.000	3.562.762.842	-	45.589.733.572	248.082.496.414
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	9.920.554.443	-	9.920.554.443
Nguồn vốn được cấp từ Ngân sách	-	-	-	331.302.000	331.302.000
Trích lập các quỹ	-	992.055.444	(9.920.554.443)	-	(8.928.498.999)
Số dư cuối kỳ trước	198.930.000.000	4.554.818.286	-	45.921.035.572	249.405.853.858
Số dư đầu năm nay	198.930.000.000	5.450.177.824	5.126.724.892	42.660.709.572	252.167.612.288
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	11.281.260.786	-	11.281.260.786
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	(3.978.600.000)	-	(3.978.600.000)
Bàn giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên	-	-	-	(42.383.750.572)	(42.383.750.572)
Giảm theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	-	-	-	(276.959.000)	(276.959.000)
Trích lập các quỹ	-	1.128.126.079	(12.429.385.678)	-	(11.301.259.599)
Số dư cuối kỳ này	198.930.000.000	6.578.303.903	-	-	205.508.303.903


Trần Thị Thúy
Người lập


Nguyễn Hữu Hạnh
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2022




Trần Minh Tâm
Tổng Giám đốc